BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo: Sư phạm Địa lý **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương			33						
I. Ngoại ngữ (*)				*Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025*					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng (*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					Học tập trung HK I
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		
IV. Giáo dục thể chất (*)			**3**						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			**2**						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				2
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)*	1		30		GE4306		5
4.2. Học phần thể chất tự chọn			**1**						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		6
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		6
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		6
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		6
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		6
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		6
13	GE4347	Pickleball*	1						6
V. Đại cương chung			**19**						
5.1. Đại cương chung bắt buộc			**17**						
14	GO4500	Nhập môn Địa lý	1	15					1
15	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
16	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	45					1
17	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	30					2
18	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
19	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		3
20	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		3
21	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		4
5.2. Đại cương chung tự chọn			**2**						
22	GE4026P	Lịch sử văn minh Thế giới	2	30					6
23	GE4027	Lịch sử Việt Nam đại cương	2	30					3
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**102**						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			**10**						
24	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30					2
25	GE4017	Giáo dục học đại cương	2	30					2
26	GE4075	Giáo dục học trung học	2	30			GE4017		3
27	GE4078	Tâm lý học trung học	2	30			GE4045		3
28	GE4111	Quản lý HCNN và QL ngành GD	2	30					4
II. Kiến thức cơ sở ngành			**24**						
29	GO4229	Ngoại ngữ chuyên ngành Địa lý	3	40	10				7
30	GO4230	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học địa lí	3	15	60				2
31	GO4040E	Phương pháp nghiên cứu khoa học Địa lý	2	25	10				5
32	GO4159N	Toán ứng dụng cho địa lý	3	45					5
33	GO4126	Hệ thống thông tin địa lí (GIS)	3	15	60				6
34	GO4231	Phương pháp rèn luyện kĩ năng Địa lí	2	25	10				5
35	GO4232	Đánh giá trong dạy học địa lý	2	25	10				5
36	GO4000	Bản đồ	2	25	10				2
37	GO4203	Phân tích chương trình Địa lí phổ thông	2	25	10				6
38	GO4210	Thích ứng biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai	2	25	10				7
III. Kiến thức chuyên ngành			**47**						
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**43**						
39	GO4118	Địa lí tự nhiên đại cương 1	3	40	10				2
40	GO4151N	Địa lí tự nhiên đại cương 2	3	40	10				3
41	GO4116	Địa lí tự nhiên các lục địa 1	3	40	10				3
42	GO4117N	Địa lí tự nhiên các lục địa 2	3	40	10				4

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
43	GO4121	Địa lí tự nhiên Việt Nam 1	3	40	10				4
44	GO4171	Địa lí tự nhiên Việt Nam 2	2	25	10				5
45	GO4109	Địa lí kinh tế xã hội đại cương 1	2	25	10				2
46	GO4207	Địa lí kinh tế xã hội đại cương 2	3	40	10				3
47	GO4233	Địa lí kinh tế xã hội Thế giới 1	3	40	10				4
48	GO4234	Địa lí kinh tế xã hội Thế giới 2	2	25	10				5
49	GO4113N	Địa lí kinh tế xã hội Việt Nam 1	3	40	10				6
50	GO4114N	Địa lí kinh tế xã hội Việt Nam 2	3	40	10				7
51	GO4213N	Phát triển năng lực trong dạy học địa lí	2	25	10				6
52	GO4235	Lí luận và phương pháp dạy học địa lí	3	40	10				4
53	GO4243	Ứng dụng AI vào dạy học Địa lý ở trường phổ thông	3	15	60				7
54	GO4236	Thực địa 1	1		30				4
55	GO4237	Thực địa 2	1		30				6
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**4**						
56	GO4216	Tổ chức hoạt động trãi nghiệm ở trường phổ thông	2	15	30				6
57	GO4239	Địa lí biển đảo Việt Nam	2	25	10				5
58	GO4108	Địa lí địa phương	2	25	10				6
59	GO4136	Địa lí du lịch	2	25	10				5
IV. Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm			**15**						
60	GO4401P	Rèn luyện NVTX 1	1		30				2
61	GO4402P	Rèn luyện NVTX 2	1		30		GO4401P		3
62	GO4403	Rèn luyện NVTX 3	1		30		GO4402P		4
63	GO4404	Rèn luyện NVTX 4	1		30		GO4403		5
64	GO4405	Rèn luyện NVTX 5	1		30		GO4404		6
65	GO4406	Rèn luyện NVTX 6	1		30		GO4405		7
66	GO4491N	Kiến tập sư phạm	3		90				7
67	GO4698	Thực tập tốt nghiệp	6		180				8
V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế			**6**						
5.1. Khóa luận tốt nghiệp			**6**						
68	GO4299N	Khóa luận tốt nghiệp	6						8
5.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			**6**						
69	GO4240	Những vấn đề địa lí tự nhiên	2	30					8
70	GO4241	Những vấn đề phương pháp dạy học địa lí hiện đại	2	30					8
71	GO4242	Địa lí kinh tế xã hội nâng cao	2	30					8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**135**						
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			121						
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			106						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			15						